

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Vinh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Công Chi**

2. Ông **Nguyễn Văn Hiễn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Hùng**- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về việc “ *Ly hôn, nuôi con chung* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX - ST ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị H - Sinh năm: 1972. Địa chỉ: K408/64 đường H, quận H, thành phố Đ, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn A – Sinh năm: 1968. Địa chỉ: Tổ 211, phường H, quận L, Tp Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn A kết hôn vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng trong quá trình chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, chồng tôi thường xuyên say xỉn về đánh đập tôi và rượt đuổi mấy mẹ con chạy ra đường, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không được. Hiện nay, chúng tôi đã sống ly thân với nhau được gần 01 năm. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn

với ông Nguyễn A.

Về con chung: Tôi và ông A có 03 con chung là Nguyễn Thị Ánh T – Sinh ngày: 17/10/1996; Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 25/4/2004 và Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 06/6/2010. Ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi 02 con Đ và N. Còn con T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến. Không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chúng tôi không có tài sản chung.

Về nợ chung: chúng tôi không có nợ chung.

* Tại phiên hòa giải, bị đơn ông Nguyễn A trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chúng tôi kết hôn vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Thời gian sinh sống vẫn bình thường không có mâu thuẫn lớn, chỉ là xích mích chuyện thường ngày, tôi chưa bao giờ đánh đập vợ con. Hiện nay, vợ chồng tôi đã sống ly thân được gần 01 năm. Việc vợ tôi ly hôn thì tôi hoàn toàn không biết. Nay bà H nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án thì tôi không chấp nhận việc ly hôn này.

Về con chung: Tôi và bà H có 03 con chung là Nguyễn Thị Ánh T – Sinh ngày: 17/10/1996; Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 25/4/2004 và Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 06/6/2010. Nếu ly hôn, tôi đồng ý giao hai con Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thị Tuyết N. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Con Nguyễn Thị Ánh T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- **Về tố tụng:** Ông Nguyễn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông A vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

- **Về nội dung:**

1. Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông A tự nguyện kết hôn vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, thành phố Đ.

Theo bà A, vợ chồng ông bà có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A thường xuyên say xỉn về đánh đập bà H. Ngược lại, ông A cho rằng, ông không đánh đập bà H nhưng vẫn thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và xác định vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn 1 năm, không còn trách nhiệm gì với nhau nữa. Do đó, HĐXX xác định vợ chồng ông A bà H có xảy ra mâu thuẫn. Dẫn đến bà H đã yêu cầu ly hôn lần đầu và được Tòa án hòa giải. Vợ chồng ông A đoàn tụ theo

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 15/2017/QĐST – HNGĐ ngày 16/3/2017. Đến nay, mâu thuẫn này vẫn tiếp diễn và không hàn gắn được. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận, mâu thuẫn của vợ chồng ông A đã kéo dài và đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật HN & GD.

2. Quan hệ con chung: Bà H khai nhận vợ chồng bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Ánh T - Sinh ngày: 17/10/1996, Nguyễn Thành Đ – Sinh ngày: 25/4/2004 và Nguyễn Thị Tuyết N – Sinh ngày: 06/6/2010. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Đ và N và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, yêu cầu của bà H được ông A đồng ý và đáp ứng được nguyện vọng cũng như sự phát triển ổn định của con chung. Vì vậy, yêu cầu về nuôi con chung của bà H là phù hợp theo quy định của Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Nguyễn Thị Ánh T đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

3. Tài sản chung: Bà H và ông A xác định không có nên HĐXX không xem xét.

4. Nợ chung: Bà H và ông A xác định không có nên HĐXX không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN & GD; Điều 147, Điều 227, Điều 273 BLTTDS. Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn A.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn A.

2. Về quan hệ con chung: Giao Nguyễn Thành Đ – Sinh ngày: 25/4/2004 và Nguyễn Thị Tuyết N – Sinh ngày: 06/6/2010 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lê Thị H phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số

006988 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục T.H.A DS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Bình Thuận.
- Lưu.

Trần Hữu Vinh